

Bản án số: 465/2024/DS-PT

Ngày: 06/11/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc
mua lúa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Ông Võ Bảo Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 317/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua lúa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2024/DSST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 359/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1973; trú tại: số B, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hà Quốc B, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: 272/4, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 22/3/2024).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Thanh S, sinh năm 1980; trú tại: ấp Đ, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1987; trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Hợp đồng ủy quyền số 1208 ngày 03/5/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Thành N, sinh năm 1982; trú tại: số B khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1977; trú tại: số G ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Huỳnh Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T1 trình bày: Ông là người chuyên thu mua lúa ở huyện T, thành phố Cần Thơ. Qua giới thiệu của ông Võ Thành N và ông Nguyễn Văn Đ1 nên ông mới biết ông Lâm Thanh S chuyên nghề làm cò lúa đứng ra nhận tiền cọc lúa cho các chủ ruộng để hưởng huê hồng. Khoảng đầu tháng 12/2023, ông T1 cùng với ông Đ1, ông N đến gặp ông S để thỏa thuận về việc thu mua lúa với tổng diện tích là 700 công (một công là 1.000 m²) và đặt cọc số tiền 500.000.000đồng/1 công, tổng số tiền ông T1 đưa cho ông S là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), hai bên không có làm giấy tờ nhưng có ông N và ông Đ1 làm chứng.

Đến đầu tháng 01/2024, ông T1 có thỏa thuận với ông S thu mua thêm 235 công và đặt cọc số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), có sự chứng kiến của ông N và ông Đ1. Tổng số tiền ông T1 đưa cho ông S để đặt cọc mua lúa là 420.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận sẽ hoàn trả lại tiền đặt cọc sau mỗi đợt cân lúa.

Trong tháng 01/2024, ông S đã giao cho ông T1 tổng cộng 200 tấn lúa, số tiền đặt cọc của 200 tấn lúa là 500.000 đồng/tấn, với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền lúa xong và trừ 20.000.000 đồng tiền huê hồng của ông S thì ông S phải hoàn trả lại cho ông T1 số tiền cọc là 80.000.000 đồng nhưng ông S chưa hoàn trả.

Trong tháng 02/2024, do lúa rớt giá nên ông T1 đã nhờ ông S bán cho người khác 520 tấn lúa và chịu lỗ tiền cọc 200.000 đồng/tấn. Tổng số tiền cọc 520 tấn lúa là 500.000 đồng/tấn x 260.000.000 đồng. Vậy số tiền lỗ của 520 tấn lúa là 104.000.000 đồng

Số tiền cọc của 520 tấn lúa mà ông S phải trả cho ông T1 là 260.000.000 đồng – 104.000.000 đồng = 156.000.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Vậy, tổng số tiền cọc ông S phải hoàn trả lại cho ông T1 là 80.000.000 đồng + 156.000.000 đồng = 236.000.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu ông S phải trả số tiền trên nhưng ông S không trả. Nay ông yêu cầu ông S phải trả cho ông số tiền 236.000.000 đồng, ông S phải chịu tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, phải trả lãi 04 tháng (tính từ ngày 04/3/2024 đến 03/7/2024), số tiền lãi như sau: 236.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng = 7.835.200 đồng. Tổng số tiền yêu cầu ông S phải trả là 243.835.200 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Trước đây giữa ông S và ông T1 có làm ăn với nhau, ông T1 mua lúa, ông S làm cò lúa. Vào khoảng đầu năm 2024, ông T1 có nhờ ông S tìm những người dân ở khu vực ông S sinh sống có nhu cầu bán lúa để thỏa thuận đặt cọc đến vụ lúa ông T1 sẽ thu mua. Hai bên thỏa thuận, ông T1 sẽ đặt cọc 500.000 đồng/1 công lúa đến vụ thu mua thì người nhận cọc sẽ trả lại tiền cọc sau khi cân lúa, còn nếu ông T1 không thu mua lúa sẽ mất tiền cọc. Sau khi thống nhất, ông T1 đã đưa cho ông S số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để đặt cọc dùm cho ông T1 và ông S đã sử dụng số tiền này để đặt cọc cho các chủ lúa. Tuy nhiên, khi đến vụ lúa do giá lúa xuống thấp, nếu thu mua theo giá đặt cọc ban đầu sẽ lỗ nên ông T1 mới nói với ông S là bỏ cọc. Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu ông S trả lại số tiền đặt cọc thì ông S không đồng ý.

- *Ông Võ Thành N trình bày:* Ông là cò lúa thu mua lúa ở địa bàn huyện T và giao lại cho ông Huỳnh Anh T, ông là trung gian để ông S và ông T gặp nhau. Tổng số tiền ông S đã nhận cọc của ông T là 420.000.000 đồng, trong đó ông đưa tiền mặt cho ông S 50 triệu đồng, ông T chuyển khoản cho ông S 370 triệu đồng, ông S báo số tiền đặt cọc là 500.000 đồng/1 công, ông S có nói với ông khi mua lúa của ai thì có ghi tên vào sổ. Khi thu mua lúa thì ông S giao cho ông T khoảng 200 tấn lúa, với số tiền cọc là 100.000.000 đồng, số còn lại ông S nói với ông nếu lấy không kịp thì bán lại cho người khác 520 tấn, chịu lỗ 200 đồng/1 kg, còn lấy lại 300 đồng/1 kg nên ông báo lại với ông T thì ông T đồng ý.

Khi ông T đến nhà yêu cầu ông S trả lại tiền cọc thì ông S chỉ đồng ý trả lại số tiền cọc 100.000.000 đồng, sau đó tăng lên 130.000.000 đồng. Ông T không đồng ý nên ông T mới kiện ông S ra Tòa án.

- *Ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:* Ông là người chứng kiến tại nhà của ông S, lúc đó có ông N và ông T. Tại buổi làm việc đó ông S thừa nhận có nhận cọc của ông T tổng số tiền 420.000.000 đồng, ông S có giao cho ông T 520 tấn lúa, lỗ 200.000 đồng/1tấn. Tổng số tiền nhận cọc của ông T là 156.000.000 đồng. Ông T yêu cầu ông S phải trả lại số tiền cọc là 256.000.000đồng, trừ 20 triệu đồng tiền cò thì ông T yêu cầu trả 236.000.000 đồng nhưng ông S chỉ đồng ý trả 100.000.000 đồng, sau đó tăng lên 130.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 91/2024/DSST ngày 05/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Anh T.

1.1. Buộc ông Lâm Thanh S phải trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi 3.320.000.000 đồng, tổng cộng là 103.320.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm Thanh S chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí DSST: Ông Huỳnh Anh T phải chịu 6.800.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.193.000 đồng (sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0007629 ngày 08/4/2024, ông Huỳnh Anh T phải nộp thêm 607.000 đồng.

Ông Lâm Thanh S phải chịu án phí 5.166.000 đồng (năm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên xử phía nguyên đơn kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi động viên, phân tích nguyên đơn và bị đơn thống nhất: Ông Lâm Thanh S trả lại cho ông Huỳnh Anh T số tiền 150.000.000 đồng. Về tiền lãi suất giai đoạn thi hành án thì bên ông S chịu theo quy định. Về án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$, án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn chịu 300.000 đồng.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Do nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được cách giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán hàng hóa (mua bán lúa)*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem xét. Việc ủy quyền của các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên và bị đơn có giao kết hợp đồng đặt cọc mua bán lúa. Nguyên đơn đã chuyển khoản nhiều lần với số tiền 370.000.000 đồng. Bị đơn đã thừa nhận đã nhận số tiền trên nhưng do giá lúa thấp nên nguyên đơn đồng ý bỏ cọc nên bị đơn không trả lại số tiền đã nhận cọc cho nguyên đơn. Bản án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Anh T. Buộc ông Lâm Thanh S phải trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi 3.320.000.000 đồng, tổng cộng là 103.320.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm Thanh S chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Ông Huỳnh Anh T đã kháng cáo bản án trên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm qua động viên và phân tích của Hội đồng xét xử và vị đại diện Viện kiểm sát nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được cách giải quyết như sau:

Ông Lâm Thanh S có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền đặt cọc là 150.000.000 đồng.

Thời gian và cách trả hai bên thống nhất do cơ quan thi hành án giải quyết.

[3] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: 7.500.000 đồng. Mỗi bên chịu ½. Ông T chịu: 3.750.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T được nhận lại 2.443.000 đồng. Ông S phải chịu 3.750.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn chịu 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Ông Lâm Thanh S phải trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền 150.000.000 đồng. (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Thời gian và phương thức trả do cơ quan thi hành án xem xét và quyết định.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm Thanh S chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 7.500.000 đồng. Mỗi bên chịu ½; cụ thể:

- Ông T chịu 3.750.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0007629 ngày 08/4/2024. Ông T được nhận lại 2.443.000 đồng.

- Ông S phải chịu 3.750.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004292 ngày 19/7/2024 thành án phí. Ông T đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải